

# Bảng liệt kê các lỗi khắc phục

STT	Nội dung		Trang	
	Cần chỉnh sửa	Chỉnh sửa lại	Cũ	Mới
1	<i>Định nghĩa 1.4.</i> Alen là một vị trí cụ thể trên một gen, nơi mà một biến thể cụ thể của gen đó có thể nằm.	<i>Định nghĩa 1.4.</i> là các trạng thái biểu hiện khác nhau của cùng một Gen (đôi khi alen cũng được gọi là Gen bởi alen cũng là một đoạn DNA mang chức năng di truyền nhất định). Alen được sinh ra do đột biến. Alen còn được gọi là biến thể.	13	13
2	<i>Định nghĩa 1.5.</i> Alen sao là tập các tên gọi khác nhau được đưa ra cho alen để phân biệt từng loại	<i>Định nghĩa 1.5.</i> Alen sao là tên gọi của các alen được đưa ra nhằm phân biệt từng loại alen với nhau	13	13
3	<i>Định nghĩa 1.7.</i> Haplotype là một nhóm các alen hoặc các biến thể gen mà thường <b>xuất hiện</b> cùng nhau trên cùng một cặp NST.	<i>Định nghĩa 1.7.</i> Haplotype là một nhóm các alen hoặc các biến thể gen mà thường <b>di truyền</b> cùng nhau trên cùng một cặp NST.	14	14
4	<i>Định nghĩa 1.9.</i> Bộ gen tham chiếu là một cơ sở dữ liệu dạng số của chuỗi axit nucleic mà được sử dụng ...	<i>Định nghĩa 1.9.</i> Bộ gen tham chiếu là một tập hợp các chuỗi gen hoặc nucleotit mà được sử dụng ...	14	14
5	Hình 2.2	Trình bày lại workflow khoa học hơn	39	39
6	REF: Chỉ ra nucleotide hoặc chuỗi nucleotit mà biến thể được tham chiếu đến. Ví dụ, Trong trường hợp này, nước A là nucleotit được tham chiếu.	REF: Chỉ ra nucleotide hoặc chuỗi nucleotide mà biến thể được tham chiếu đến. Ví dụ, ở dòng dữ liệu đầu tiên A là nucleotide được tham chiếu.	43	44
7	ALT: Chỉ ra nucleotit hoặc chuỗi nucleotit thay thế cho REF. Ví dụ, trong trường hợp này, biến thể thay đổi từ nucleotit T.	ALT: Chỉ ra nucleotide hoặc chuỗi nucleotide thay thế cho REF. Ví dụ, ở dòng dữ liệu đầu tiên biến thể thay đổi từ nucleotide T thành nucleotit C.	44	44
8	Bổ sung nguồn gốc dữ liệu xác suất alen bị thay thế trong một quần thể người	Đã bổ sung: Bộ dữ liệu được cung cấp sẵn trong bài báo [12]	-	44
9	1. Fully Connected Layer 1 2. Fully Connected Layer 2 (Output Layer)	1. Layer 1 2. Layer 2 (Output Layer)	50	51
10	Hình 3.4	Trình bày lại workflow khoa học hơn	60	60